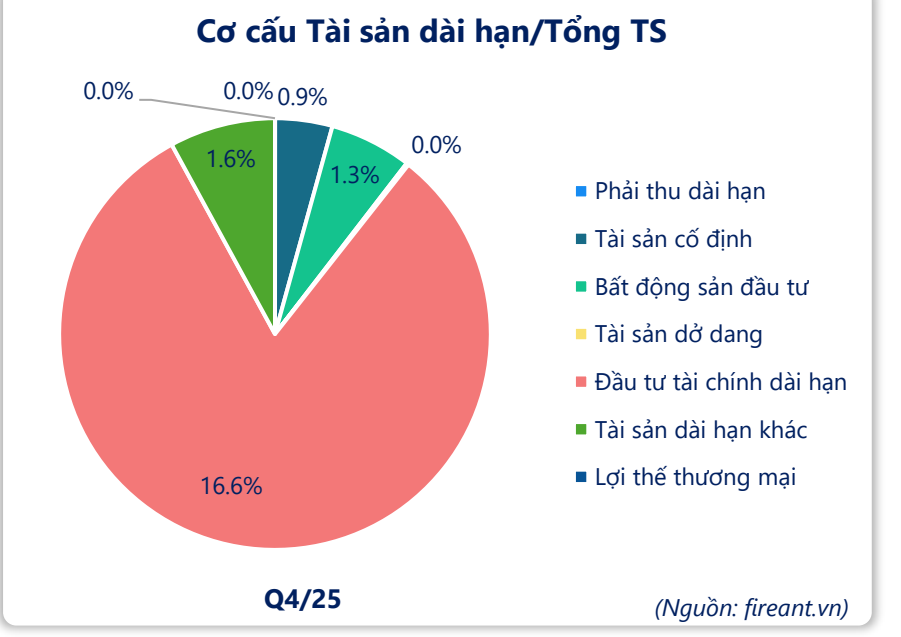
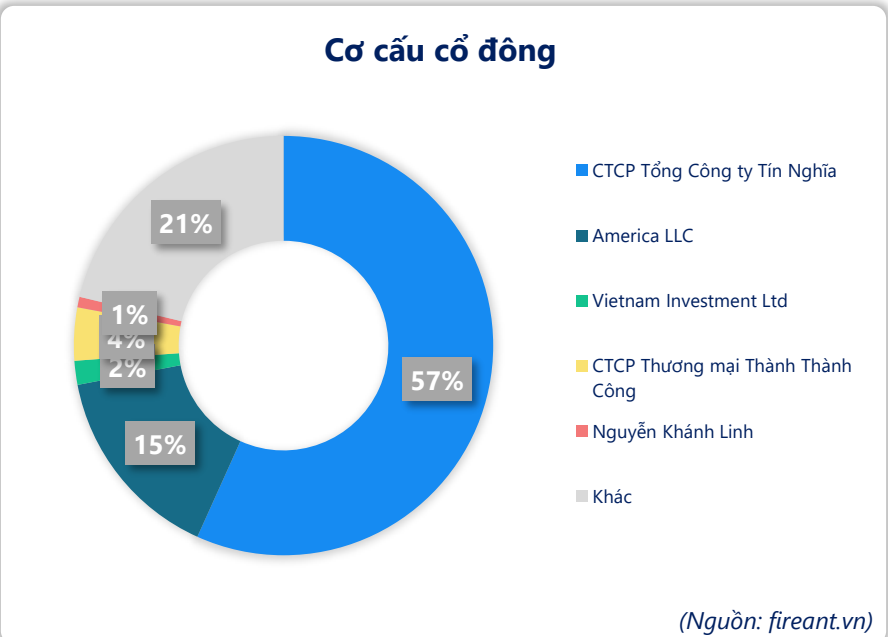
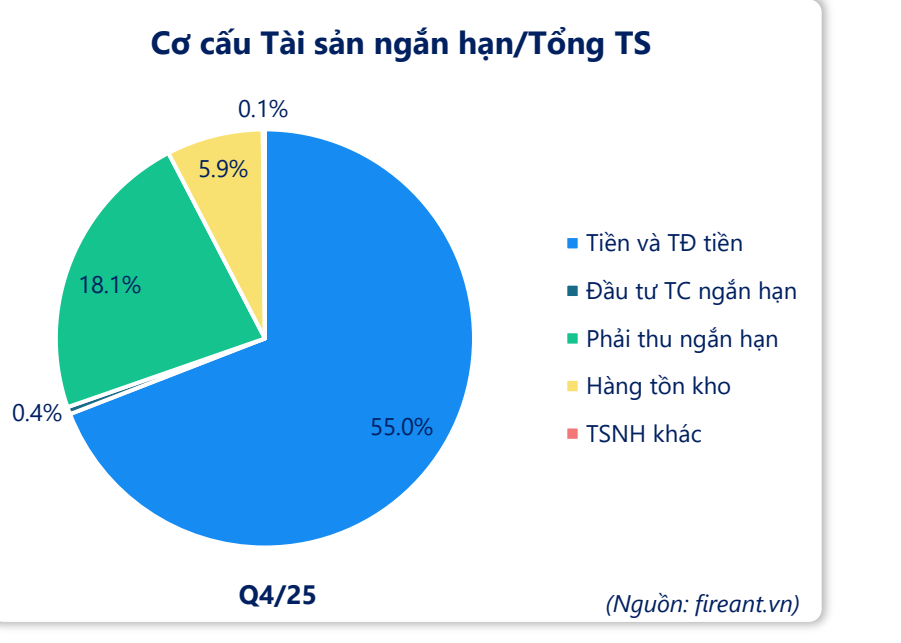
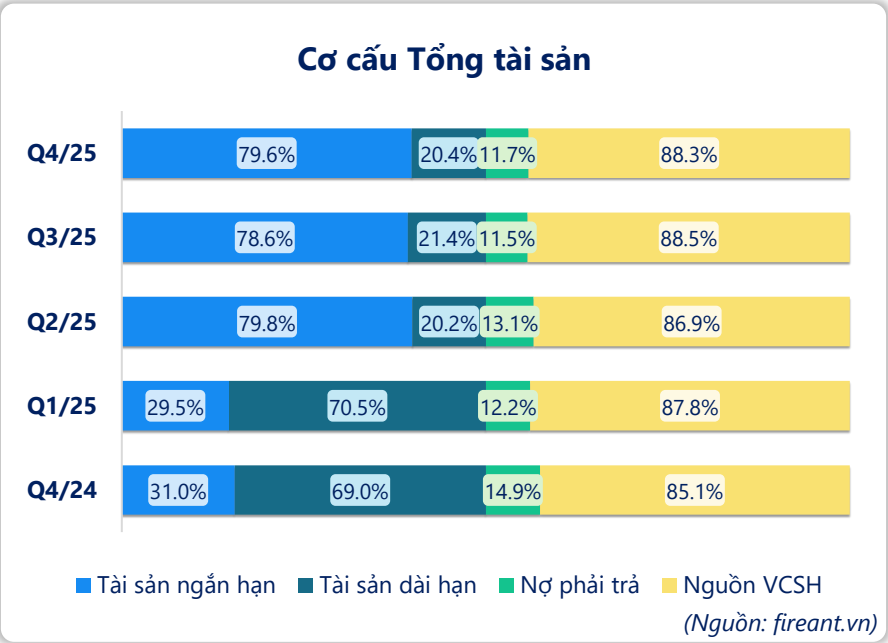
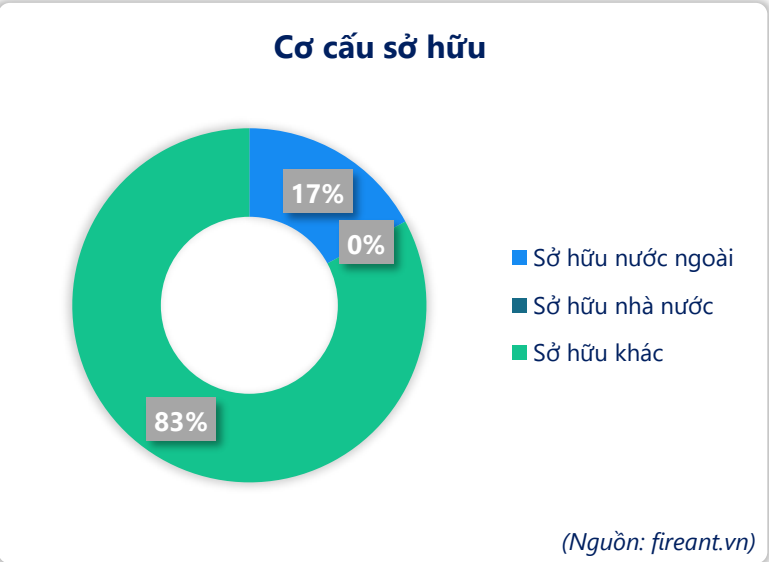
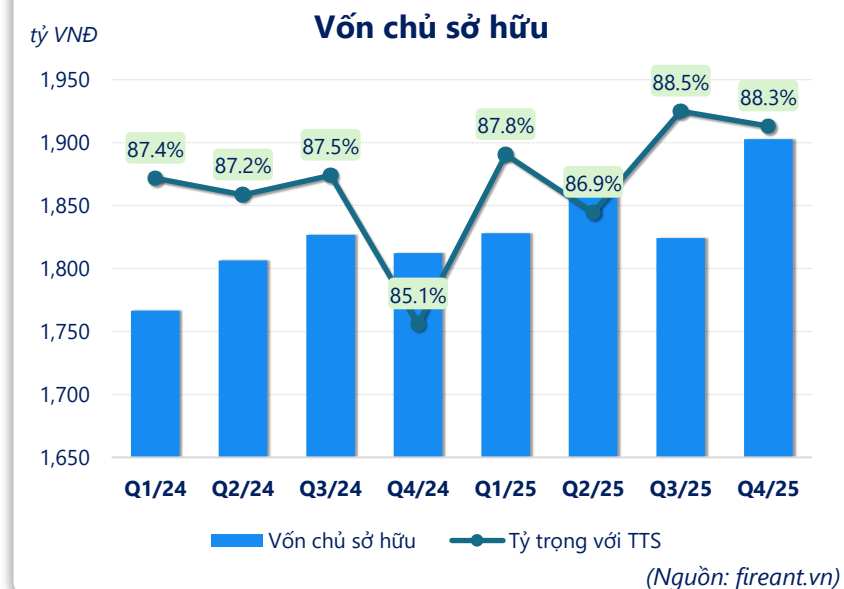
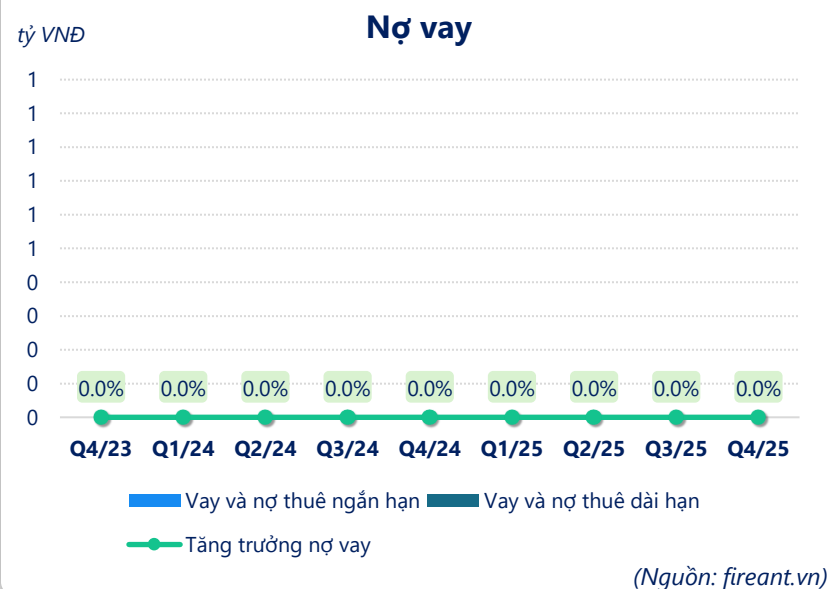
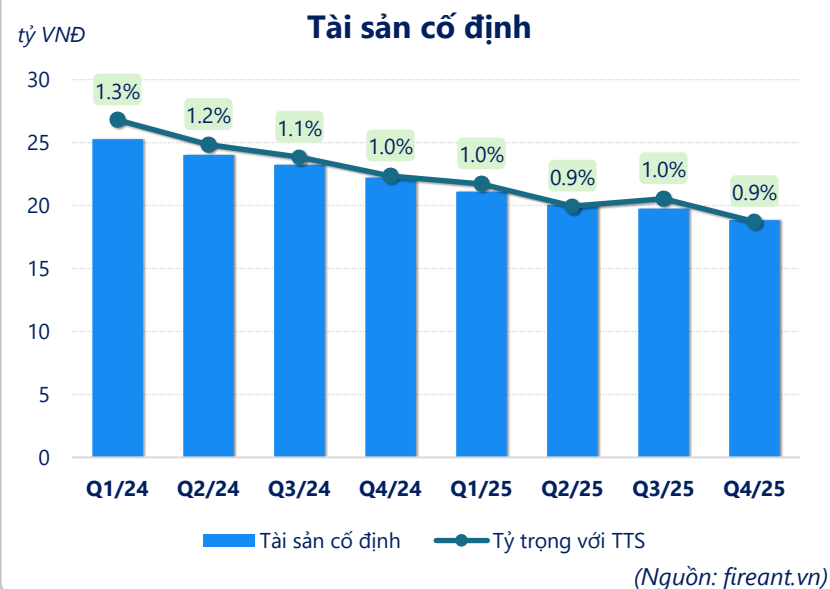
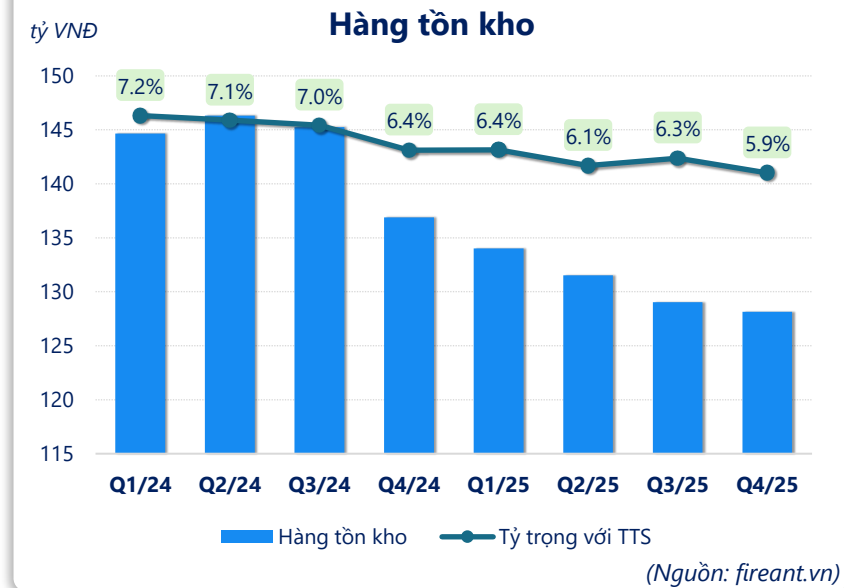
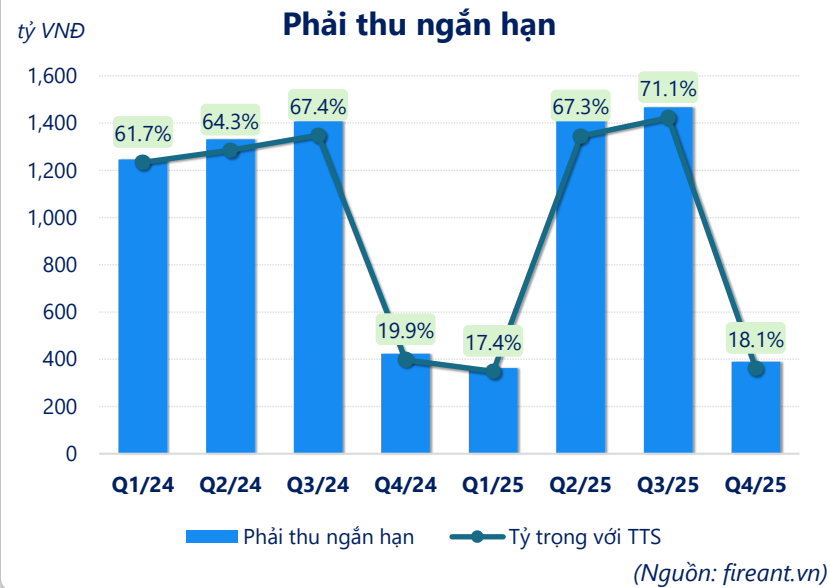
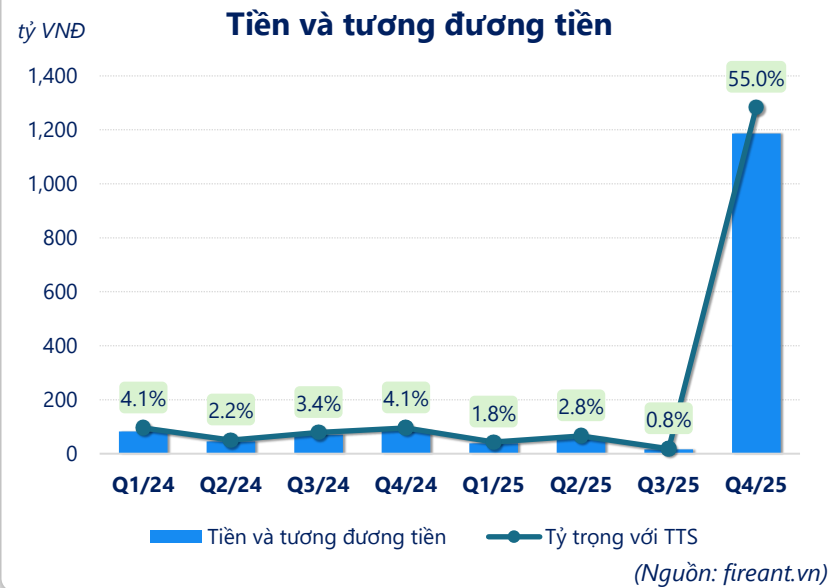
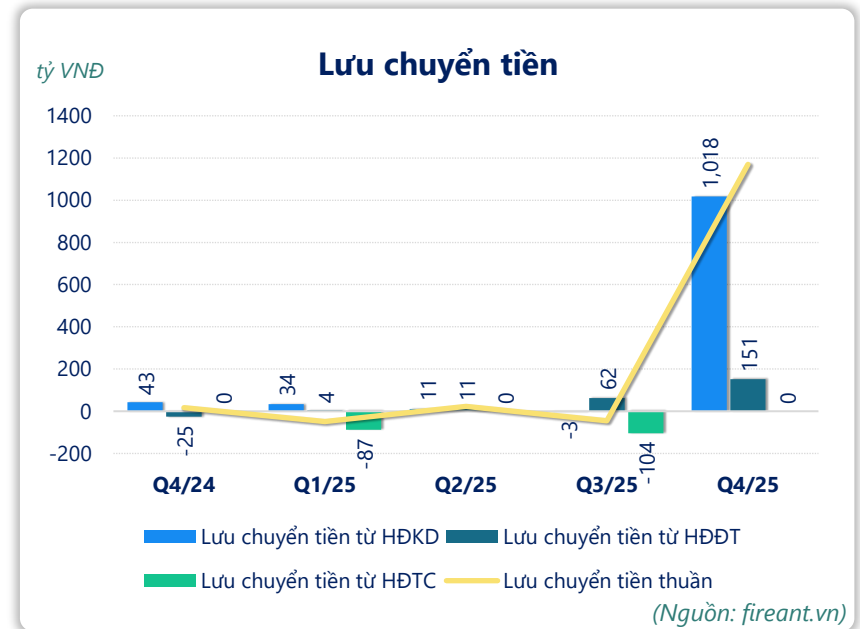
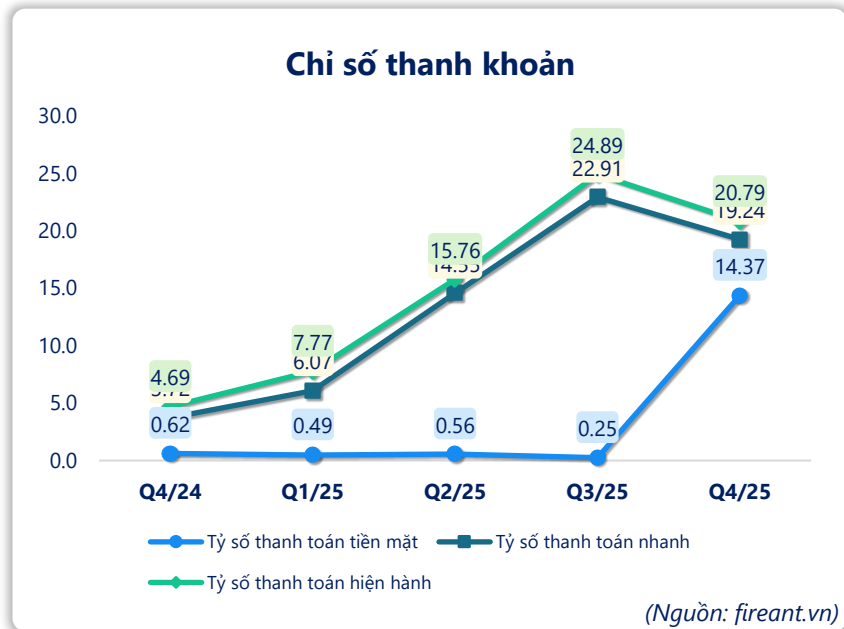
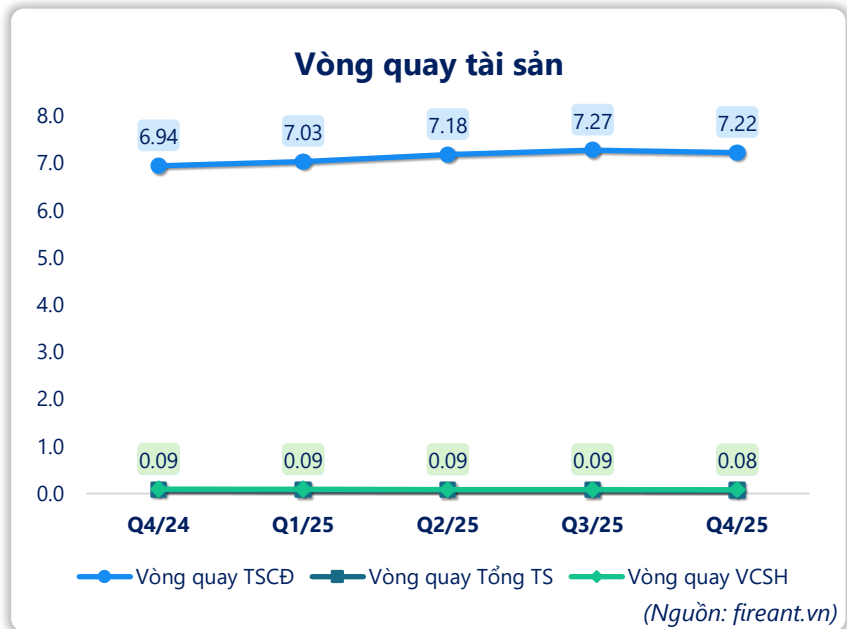
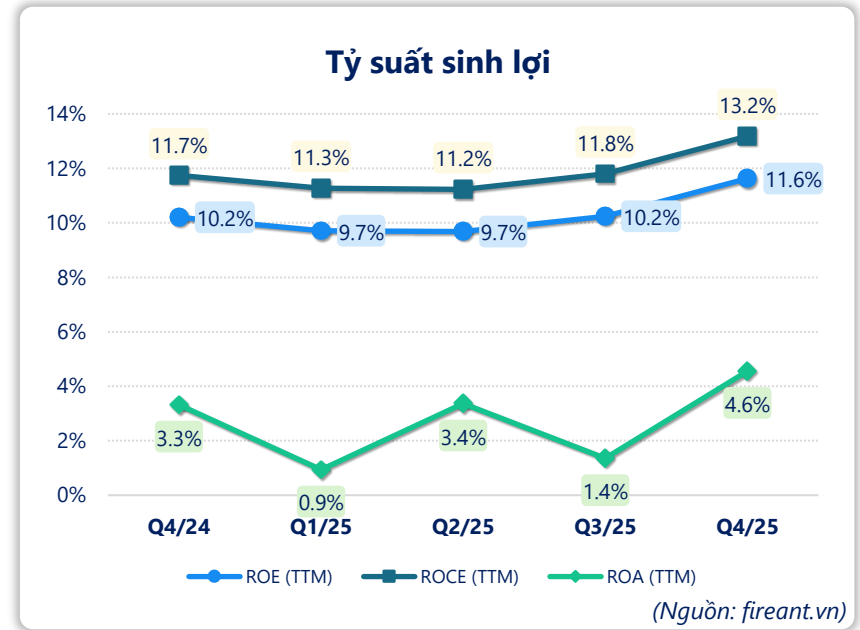
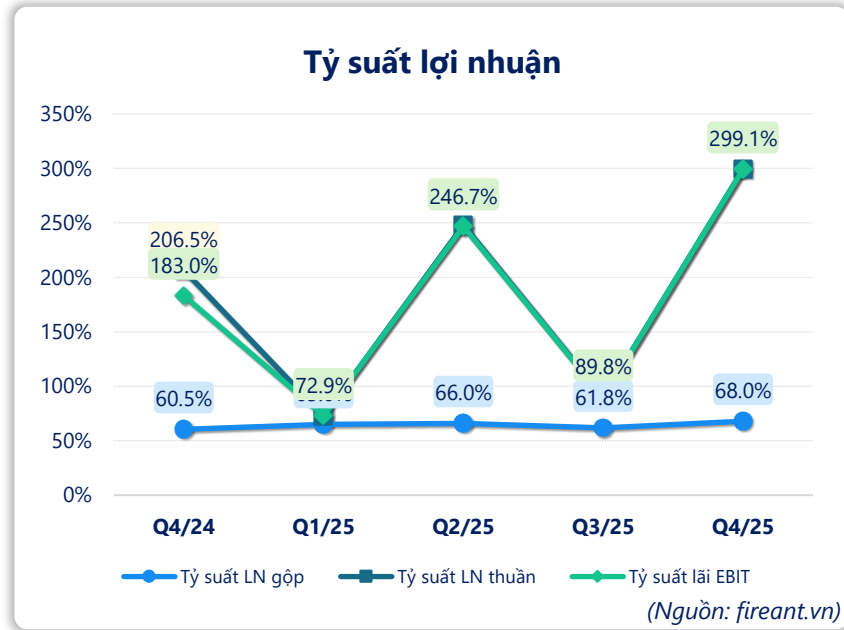
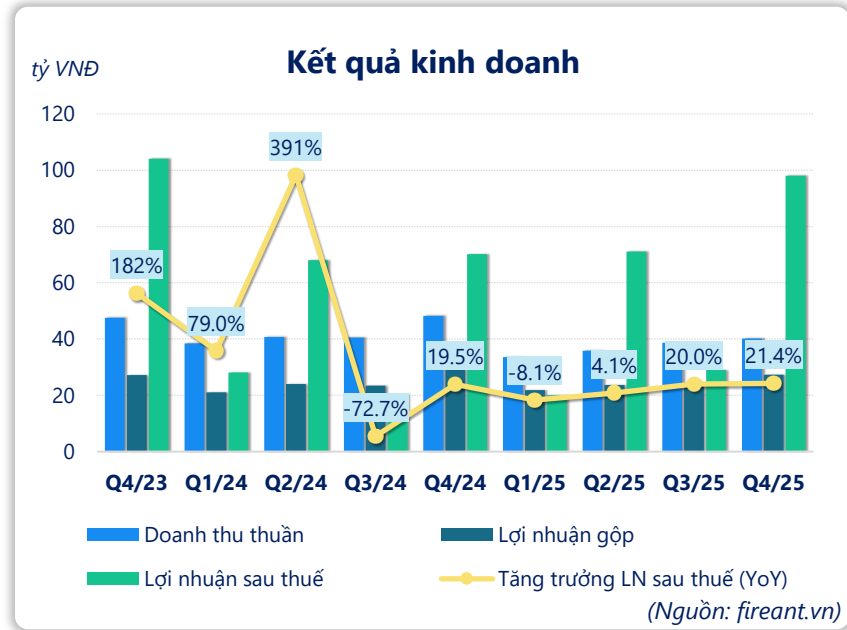


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		21,167
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,386
SL cổ phiếu LH		65,007,857
KLGD BQ 20 phiên (CP)		39,930
% sở hữu nước ngoài		17.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,164
P/E		5.4
EPS		3,322

	YTD	1T	3T	6T
TIP	-8.1%	-0.8%	-5.7%	1.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,156	2,129	1.2%
Tài sản ngắn hạn	1,716	660	160%
Tiền và tương đương tiền	1,186	87.1	1261%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.70	9.30	4.3%
Phải thu ngắn hạn	389	424	-8.1%
Hàng tồn kho	128	137	-6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.89	2.59	11.9%
Tài sản dài hạn	440	1,469	-70.1%
Phải thu dài hạn	0.05	1,033	-100.0%
Tài sản cố định	18.8	22.2	-15.2%
Bất động sản đầu tư	27.1	26.0	4.3%
Tài sản dở dang	0.72	1.30	-44.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	358	351	2.0%
Tài sản dài hạn khác	34.9	35.8	-2.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	253	317	-20.1%
Nợ ngắn hạn	82.5	141	-41.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.67	3.40	7.8%
Nợ dài hạn	170	176	-3.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,903	1,812	5.0%
Vốn chủ sở hữu	1,903	1,812	5.0%
Vốn điều lệ	650	650	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	48.3	33.6	35.9	38.6	40.1
Giá vốn hàng bán	19.1	11.7	12.2	14.7	12.9
Lợi nhuận gộp	29.2	21.8	23.7	23.9	27.3
Doanh thu HĐTC	80.4	7.97	68.7	9.17	100
Chi phí TC	2.79	2.06	1.81	-4.77	1.80
Chi phí lãi vay	0	0.02	0	0	0
LN trong công ty LKLD	1.57	2.27	2.03	2.51	1.15
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	8.75	5.61	3.60	5.54	6.53
LN thuần từ HĐKD	99.7	24.4	88.9	34.8	120
Lợi nhuận khác	-11.3	0.07	-0.50	-0.08	-0.11
LN trước thuế	88.3	24.5	88.4	34.7	120
Lợi nhuận sau thuế	70.2	20.0	71.1	29.0	98.0
LNST của CĐ cty mẹ	68.6	19.2	71.0	28.1	97.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	42.5	34.0	11.2	-2.86	1,018
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-25.4	4.32	11.5	61.8	151
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-87.0	0	-104	0
Tiền đầu kỳ	70.0	87.1	38.4	61.2	16.1
Lưu chuyển tiền thuần	17.1	-48.7	22.7	-45.0	1,170
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	87.1	38.4	61.2	16.1	1,186

(Nguồn: fireant.vn)